

HUYỆN ỦY ĐAM RÔNG
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 03- CV/BTGHU

*Tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền
Kết luận số 81-KL/TW và Kết luận số 82-KL/TW
của Bộ Chính trị, Khóa XII*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Đam Rông, ngày 21 tháng 8 năm 2020

*Kính gửi: - Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Huyện ủy,
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện.*

Ngày 29/7/2020 Bộ Chính trị (Khóa XII) ban hành Kết luận số 81-KL/TW, về “bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030” và Kết luận số 82-KL/TW “về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty lâm nghiệp” (sao gửi kèm theo); Thực hiện Công văn số 1632-CV/BTGTU, ngày 18/8/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Kết luận của Bộ Chính trị; Ban Tuyên giáo Huyện ủy đề nghị:

- Các tổ chức cơ sở đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện, hướng dẫn tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền rộng rãi Kết luận số 81-KL/TW và Kết luận số 82-KL/TW của Bộ Chính trị (Khóa XII) đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân bằng các hình thức phù hợp, lan tỏa.

- Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao huyện, thường xuyên đăng tải, phát sóng các tin bài, nhằm đẩy mạnh tuyên truyền các nội dung Kết luận số 81-KL/TW và Kết luận số 82-KL/TW của Bộ Chính trị (Khóa XII) trên phương tiện thông tin đại chúng.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện ủy,
- Như kính gửi,
- Lưu VP Huyện ủy.

K/T TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Trần Phước Mênh

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG	
Số.....	6758.....
ĐẾN	Ngày 06-08-2020
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ số.....	

Số 81-KL/TW

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ****về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030**

Ngày 03/7/2020, sau khi nghe Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW, ngày 05/8/2009 của Bộ Chính trị khoá X về Đề án an ninh lương thực quốc gia đến năm 2020 và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị kết luận:

I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Sau 10 năm thực hiện Kết luận số 53-KL/TW của Bộ Chính trị, đã đạt nhiều thành quả to lớn về bảo đảm vững chắc an ninh lương thực quốc gia, góp phần quan trọng ổn định và phát triển kinh tế - xã hội; cải thiện đời sống của nhân dân, nhất là ở khu vực nông thôn. Sản xuất lương thực, thực phẩm liên tục phát triển; sản lượng lúa tăng từ 39,17 triệu tấn năm 2009 lên 43,45 triệu tấn năm 2019, lương thực bình quân tăng từ 497 kg/người/năm lên trên 525 kg/người/năm; sản lượng thịt hơi các loại tăng 1,3 lần, sữa tăng 3,36 lần, trứng tăng 2,13 lần; sản lượng thủy sản tăng 1,7 lần; tình trạng trẻ em thiếu dinh dưỡng giảm từ 18,2% giai đoạn 2004 - 2006 xuống còn 10,8% năm 2019. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, lưu thông, dự trữ lương thực, thực phẩm được nâng cấp; năng lực sản xuất, lưu thông được nâng cao, các kênh phân phối được mở rộng, hoàn thiện; khả năng tiếp cận lương thực, thực phẩm của nhân dân không ngừng được cải thiện.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tại một số địa phương việc tổ chức sản xuất chưa theo quy hoạch sử dụng đất. Việc quản lý, sử dụng đất lúa thiếu hiệu quả; còn chạy theo số lượng, chưa quan tâm đúng mức tới đầu tư nâng cao chất lượng, tạo dựng thương hiệu; giá trị gia tăng, thu nhập của người trồng lúa thấp, đời sống nông dân còn gặp nhiều khó khăn. Tổ chức sản xuất, chế biến, thương mại, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm còn nhiều bất cập. Liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với chế biến, tiêu thụ chưa đáp ứng được yêu cầu sản xuất hàng hoá lớn, hội nhập quốc tế; ứng

dụng công nghệ cao còn hạn chế, cơ giới hoá, tự động hoá chưa mạnh, chưa tạo được đột phá để giảm chi phí sản xuất, nâng cao giá trị gia tăng, sức cạnh tranh sản phẩm; chế biến sâu chưa nhiều, tổn thất sau thu hoạch còn cao. Việc cải thiện tầm vóc, thể trạng người Việt Nam còn chậm. Bảo đảm an ninh lương thực, thực phẩm cấp hộ gia đình chưa vững chắc. Việc tiếp cận thực phẩm đa dạng, kịp thời, đủ dinh dưỡng vẫn là thách thức với người dân vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và người dân chưa thực sự đầy đủ, toàn diện, chưa quan tâm đúng mức về bảo đảm an ninh lương thực; còn chủ quan, hoặc cứng nhắc trong thực hiện các nội dung, giải pháp bảo đảm an ninh lương thực. Cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực còn bất cập; chưa thực hiện tốt chính sách đất đai, hỗ trợ nông dân, địa phương, doanh nghiệp trồng lúa, bảo hiểm nông nghiệp. Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn chậm được hoàn thiện, chưa thích ứng cao với cơ chế kinh tế thị trường. Sự phân công, phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc thể chế hoá, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát về an ninh lương thực chưa đầy đủ, cụ thể. Phát triển công nghiệp phụ trợ cho nông nghiệp còn hạn chế. Công tác nghiên cứu về an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng chưa được triển khai toàn diện.

II- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM AN NINH LƯƠNG THỰC QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2030

An ninh lương thực quốc gia luôn là vấn đề quan trọng, thiết yếu của đất nước cả trước mắt và lâu dài, khi nguồn cung tiếp tục chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, an ninh nguồn nước, quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá diễn ra mạnh mẽ. Để bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống, Bộ Chính trị yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp thực hiện tốt những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Mục tiêu đến năm 2030

- Nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp; giữ ổn định 3,5 triệu ha đất lúa, sản lượng lúa hằng năm bảo đảm ít nhất 35 triệu tấn, làm nòng cốt bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; cung cấp đầy đủ, đa dạng, an toàn các

loại thực phẩm như thịt, trứng, sữa, thủy sản, rau quả, đồ uống với chất lượng ngày càng cao, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, góp phần bảo đảm nâng cao đời sống nhân dân, ổn định chính trị, xã hội trong mọi tình huống.

- Sử dụng hiệu quả quỹ đất lúa với kế hoạch chặt chẽ; nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho người nông dân, bảo đảm thu nhập của người dân khu vực nông thôn cao gấp hơn 2 lần so với năm 2020, bảo đảm khả năng tiếp cận và chi trả cho nhu cầu lương thực, thực phẩm thiết yếu.

- Bảo đảm nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối, khoa học; nâng mức tiêu thụ lương thực; giảm tỉ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi thể thấp còi xuống dưới 19% và thể nhẹ cân xuống dưới 10,5%; tỉ lệ béo phì của trẻ em dưới 5 tuổi ở nông thôn dưới 5% và thành thị dưới 10%.

2. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

2.1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền về công tác bảo đảm an ninh lương thực quốc gia

Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền tổ chức quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân về vai trò, ý nghĩa quan trọng của công tác bảo đảm an ninh lương thực quốc gia trong tình hình mới. Nâng cao nhận thức về an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng cho các tầng lớp cán bộ, đảng viên và nhân dân; xác định bảo đảm an ninh lương thực quốc gia là nhiệm vụ thường xuyên quan trọng góp phần bảo đảm sự ổn định, phát triển bền vững của đất nước.

2.2. Tiếp tục cơ cấu lại để phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ lương thực, thực phẩm theo hướng sản xuất hàng hoá tập trung, quy mô lớn, hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị

Quy hoạch, phát triển các vùng trọng điểm, chuyên canh sản xuất lương thực, thực phẩm chủ lực (lúa gạo, chăn nuôi, thủy sản...) ở những địa bàn có lợi thế. Tổ chức hợp tác, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị từ sản xuất, chế biến đến tiêu thụ; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông sản được liên kết với truy xuất nguồn gốc, giám sát an toàn thực phẩm. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến, bảo quản sau thu hoạch để nâng cao giá trị, dinh dưỡng, đa dạng hoá các mặt hàng lương thực, thực phẩm phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân và xuất khẩu.

2.3. Nâng cao khả năng và quyền tiếp cận của người dân đối với lương thực, thực phẩm an toàn, bảo đảm dinh dưỡng

Đầu tư nâng cấp, hiện đại hoá hệ thống hạ tầng phục vụ sản xuất, thương mại lương thực, thực phẩm, đặc biệt là hệ thống kho dự trữ, bảo quản, logistics, lưu thông, tạo thuận lợi cho người dân tiếp cận lương thực, thực phẩm trong mọi tình huống, nhất là các hộ nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm cung cấp đầy đủ nhu cầu dinh dưỡng với khẩu phần ăn cân đối, khoa học, nhất là đối với thanh thiếu niên, nhi đồng để nâng cao tầm vóc, thể lực, trí lực của người Việt Nam. Phát triển hệ thống thông tin an ninh lương thực, thực phẩm; dự báo về sản xuất, tiêu thụ lương thực, thực phẩm, kết nối với khu vực và toàn cầu.

2.4. Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách bảo đảm an ninh lương thực quốc gia

Rà soát, sửa đổi, hoàn thiện cơ chế, chính sách đất đai, tài chính, bảo hiểm, tín dụng, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững. Bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất lúa được quy hoạch; cho phép chuyển đổi linh hoạt cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất lúa, nhưng không làm thay đổi tính chất, điều kiện sử dụng đất lúa, bảo đảm mục tiêu giữ ổn định diện tích đất lúa. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ thoả đáng cho nông dân, địa phương trồng lúa và doanh nghiệp tham gia sản xuất, kinh doanh lúa gạo.

Hoàn thiện cơ chế điều hành xuất, nhập khẩu lương thực, thực phẩm, phù hợp với cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; kết hợp hiệu quả giữa dự trữ lưu thông và dự trữ quốc gia, đáp ứng yêu cầu lương thực, thực phẩm trong trường hợp khẩn cấp. Thực hiện các chính sách hỗ trợ, bảo đảm mọi người dân có đủ lương thực khi cần thiết. Nghiên cứu, bổ sung, ban hành các chế tài xử lý vi phạm đủ sức răn đe đối với tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm và an ninh lương thực quốc gia.

2.5. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; trình độ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ

Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo nguồn nhân lực, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn, đáp ứng yêu cầu phát triển nền nông nghiệp hiện đại; đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nhân nông nghiệp đủ năng lực tiếp thu, vận hành, chuyển giao công nghệ mới.

Đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, bảo quản, chế biến và lưu thông lương thực, thực phẩm. Tăng cường đầu tư khoa học công nghệ và phát triển sản xuất nông nghiệp thông minh, tiên tiến, thích ứng biến đổi khí hậu; công nghệ sau thu hoạch. Thúc đẩy ứng dụng, chuyển giao công nghệ mới, tiến bộ kỹ thuật, trọng tâm là khoa học quản lý, công nghệ sinh học, công nghệ thông tin... Đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng các loại giống năng suất cao, chất lượng tốt, giống cây trồng sử dụng ít nước và chịu được ngập úng, hạn, mặn.

2.6. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về an ninh lương thực; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai

Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn ở cấp cơ sở; ban hành cơ chế, chính sách xã hội hoá các dịch vụ công trong nông nghiệp. Hoàn thiện hệ thống và mối liên hệ về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền trong các cơ quan có liên quan quản lý nhà nước về an ninh lương thực. Tổ chức lại ngành hàng lúa gạo trong chuỗi giá trị; xây dựng cơ chế, chính sách và giám sát quản lý thị trường lúa gạo, bao gồm cả xuất khẩu. Kiện toàn bộ máy giám sát an toàn thực phẩm.

Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả, bền vững tài nguyên đất, nước, rừng; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng đất lúa. Có cơ chế, chính sách và chế tài đủ mạnh để sớm chấm dứt tình trạng bỏ hoang đất nông nghiệp. Đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và ứng dụng công nghệ cao để quản lý, sử dụng đất trồng lúa hiệu quả, bền vững. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai. Hoàn thiện quy hoạch và đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi, hệ thống hồ chứa nước, rừng đầu nguồn, đập ngăn mặn bảo đảm an ninh nguồn nước.

2.7. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an ninh lương thực

Tăng cường hợp tác quốc tế, phát triển thị trường xuất khẩu lương thực, thực phẩm; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, an toàn thực phẩm với các đối tác thương mại. Phát huy và tranh thủ lợi thế ngành hàng lúa gạo Việt Nam trong quan hệ quốc tế; xây dựng quan hệ đối tác dài hạn để đầu tư phát triển các vùng sản xuất, cung ứng lương thực, thực phẩm ổn định, đáng tin cậy với các thị trường nhập khẩu nông sản.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp quán triệt, thực hiện Kết luận này. Các tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương xây dựng chương trình, kế hoạch hành động để tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm an ninh lương thực quốc gia; cụ thể hoá các nội dung về bảo đảm an ninh lương thực trong báo cáo chính trị đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản pháp luật khác có liên quan để thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các quan điểm, định hướng đổi mới chính sách, pháp luật đất đai đã được nêu tại Nghị quyết Trung ương 6 khoá XI và Kết luận số 36-KL/TW, ngày 06/9/2018 của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật đất đai.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo xây dựng Nghị quyết của Chính phủ về bảo đảm an ninh lương thực quốc gia đến năm 2030; nghiên cứu, hoàn thiện mô hình hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về an ninh lương thực; hoàn thiện hệ thống tổ chức và hoạt động cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp, nông thôn từ Trung ương đến cơ sở.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường vận động nhân dân thực hiện, xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện.

5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban cán sự đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các cơ quan liên quan theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kết luận này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị (để báo cáo),
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Trần Quốc Vượng

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2020

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY LÂM ĐỒNG	Số 82-KL/TW
Số.....6.75.7.....	
ĐẾN Ngày.....06-08-2020	
Chuyển.....	
Lưu hồ sơ số.....	

KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW
của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển,
nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

Tại phiên họp ngày 03/7/2020, sau khi nghe Ban cán sự đảng Chính phủ báo cáo kết quả sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và ý kiến của các cơ quan có liên quan, Bộ Chính trị đã kết luận như sau:

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết, công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp đạt được một số kết quả tích cực. Cơ chế, chính sách được ban hành khá đồng bộ. Số lượng công ty nông, lâm nghiệp đã sắp xếp chuyển sang hoạt động theo mô hình mới đạt 62,5%. Chức năng, nhiệm vụ của công ty nông, lâm nghiệp đã được điều chỉnh phù hợp hơn với các mô hình sắp xếp, đổi mới; phương thức quản trị nhiều doanh nghiệp được đổi mới; tổ chức sản xuất kinh doanh gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm theo cơ chế thị trường. Công tác quản lý, sử dụng đất đã có tiến bộ, thúc đẩy sản xuất phát triển, tạo việc làm, sinh kế cho người dân địa phương, góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện Nghị quyết vẫn còn hạn chế, yếu kém. Tiến độ sắp xếp, chuyển đổi mô hình hoạt động, giải thể các công ty còn chậm, có nhiều vướng mắc. Hoạt động của nhiều công ty sau sắp xếp chưa có nhiều chuyển biến; hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai, tài nguyên tại một số công ty còn thấp; tình trạng cho thuê, cho mượn, sử dụng đất không đúng đối tượng, tranh chấp, lấn chiếm đất đai sau sắp xếp vẫn tiếp tục xảy ra, chậm được xử lý dứt điểm. Nhiều địa phương chưa rà soát phương án sử dụng đất cho công ty; việc xác định giá trị của công ty còn có vướng mắc; một số địa phương còn lúng túng trong việc lựa chọn đối tác để sắp xếp, chuyển đổi sang mô hình mới...

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém nêu trên có cả khách quan và chủ quan, song do nguyên nhân chủ quan là chủ yếu. Nhận thức của một số cấp uỷ đảng về vai trò, nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp chưa đầy đủ, thiếu lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên. Ở một số địa phương, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện chưa tốt, thiếu kiểm tra, giám sát. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân có nơi, có lúc còn chưa tốt. Một số cơ chế, chính sách chưa thực sự phù hợp với đặc thù mô hình hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp; năng lực, trình độ quản lý doanh nghiệp còn hạn chế.

II- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền bám sát các quan điểm, mục tiêu, phương hướng, thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp đã nêu trong Nghị quyết; đồng thời, tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đẩy mạnh việc sắp xếp, đổi mới, phát triển hiệu quả công ty nông, lâm nghiệp

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền tiếp tục đẩy mạnh công tác quán triệt, thông tin truyền thông, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, người lao động, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân địa phương về quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện việc sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp đã được nêu trong Nghị quyết.

- Nắm chắc tình hình thực tiễn, lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp gắn với việc bảo đảm sinh kế và giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động. Tăng cường công tác phối hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ quan, tổ chức, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện Nghị quyết; cùng cố, phát triển tổ chức đảng trong các công ty nông, lâm nghiệp. Thực hiện có hiệu quả các giải pháp quản lý, sử dụng đất có nguồn gốc từ nông, lâm trường và ổn định cuộc sống của người dân di cư tự do trên địa bàn; tập trung xử lý kịp thời, hiệu quả, dứt điểm tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện, phức tạp.

Đến năm 2021: Hoàn thành việc rà soát đất đai, cắm mốc ranh giới, phê duyệt phương án sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp; hoàn thành việc sắp xếp các công ty nông, lâm nghiệp chuyển sang mô hình hoạt động mới; hoàn

thành việc bàn giao diện tích đất các công ty nông, lâm nghiệp chuyển về địa phương quản lý theo đề án sắp xếp được duyệt.

Đến năm 2025: 100% công ty nông, lâm nghiệp được xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính, đất đai và kinh doanh có lãi, đạt được tiêu chí phổ biến về quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quốc tế.

2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp

a) Cơ chế, chính sách tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong sắp xếp công ty nông, lâm nghiệp

- Hoàn thiện quy định pháp luật về mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo hướng chỉ áp dụng đối với công ty có phương án rõ ràng về ứng dụng công nghệ cao, đáp ứng nhu cầu thị trường, xuất khẩu đạt tiêu chí quốc tế phổ biến; bảo đảm quyền chi phối của Nhà nước đối với công ty nông, lâm nghiệp quản lý diện tích lớn (từ 500 ha trở lên đối với công ty nông nghiệp, từ 1.000 ha trở lên đối với công ty lâm nghiệp). Quy định rõ về điều kiện, hình thức, tiêu chí, trình tự, nguyên tắc lựa chọn nhà đầu tư; phương pháp định giá tài sản góp vốn, tỉ lệ vốn góp để thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

- Rà soát cơ chế, chính sách về tài chính doanh nghiệp, quy định cụ thể về tỉ lệ vốn điều lệ Nhà nước nắm giữ tại các công ty nông, lâm nghiệp cổ phần hoá quản lý nhiều đất đai; sáp nhập, hợp nhất một số công ty trên cùng địa bàn, cùng chủ sở hữu; làm rõ trách nhiệm và quyền lợi của người nhận khoán đất đai, vườn cây lâu năm, rừng khi cổ phần hoá doanh nghiệp.

- Quy định chi tiết về chính sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các địa phương thực sự khó khăn trong cân đối ngân sách, nguồn thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thấp, không có khả năng cân đối từ ngân sách địa phương cho công tác đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để hoàn thành việc sắp xếp công ty nông, lâm nghiệp; kinh phí hỗ trợ giải quyết các tồn tại về tài chính đối với các công ty nông, lâm nghiệp thực hiện giải thể nhưng mất khả năng thanh toán.

b) Cơ chế, chính sách phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp sau sắp xếp

- Sửa đổi, bổ sung các quy định có tính đặc thù về tài chính, thuế sử dụng đất trong công ty nông, lâm nghiệp sản xuất kinh doanh có tính đặc thù, kể cả các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh tham gia vào sản xuất nông, lâm nghiệp trên các địa bàn chiến lược. Miễn giảm tiền thuê đất đối với cây rừng

và cây lâu năm, diện tích khoán ổn định lâu dài cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng và diện tích tái canh vườn cây, rừng; có cơ chế cấp vốn, tín dụng ưu đãi phù hợp khi hoạt động sản xuất, kinh doanh trên các địa bàn chiến lược kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh.

- Quy định cụ thể cơ chế chuyển giao vốn, tài sản trên đất từ công ty nông, lâm nghiệp về địa phương theo phương thức ghi tăng, giảm vốn đối với diện tích các công ty này bàn giao trong quá trình sắp xếp, đổi mới; cơ chế đặt hàng nhiệm vụ công ích đối với công tác quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng và rừng phòng hộ xen kẽ để giao cho các công ty nông, lâm nghiệp quản lý phù hợp với thực tiễn đổi mới cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp; tiêu chí bổ sung vốn điều lệ cho công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước.

- Tổng kết, đánh giá, hoàn thiện cơ chế thúc đẩy phát triển dịch vụ môi trường rừng, kinh doanh lâm sản, đặc sản dưới tán rừng; cơ chế tín dụng đối với trồng rừng tập trung, trồng cây công nghiệp phù hợp với chu kỳ kinh doanh cây trồng dài ngày; bảo hiểm với rừng trồng.

3. Tăng cường công tác quản lý đất đai, nâng cao hiệu quả sử dụng đất tại các công ty nông, lâm nghiệp

- Khẩn trương hoàn thành việc đo đạc, cắm mốc ranh giới, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở xác định rõ diện tích các loại đất, mục đích sử dụng. Việc chuyển đổi hình thức sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất thực hiện đúng quy định, phù hợp với năng lực, nguồn lực của từng đối tượng, có tính đến đặc thù đối tượng sử dụng là người dân tại chỗ, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa. Quy định rõ trách nhiệm lập phương án sử dụng đất khi giao về địa phương quản lý và xử lý tài sản trên đất.

- Tập đoàn, tổng công ty, công ty nông, lâm nghiệp phải rà soát phương án sử dụng đất được giao, được thuê, duy trì cơ chế khoán đối với hộ gia đình, cộng đồng đến hết chu kỳ khoán theo quy định pháp luật; khẩn trương giải quyết dứt điểm các tồn tại, không để phát sinh phức tạp mới; bàn giao trên thực địa diện tích đất đã được phê duyệt theo đề án sắp xếp của công ty.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tiếp nhận, giao đất, cho thuê đất cho các tổ chức, cá nhân, quản lý, sử dụng đúng pháp luật, hiệu quả diện tích đất giao về địa phương, không để đất vô chủ, tranh chấp, lấn chiếm, vi phạm pháp luật, sử dụng đất không hiệu quả.

4. Nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động của các công ty nông, lâm nghiệp

Công ty nông, lâm nghiệp sau sắp xếp phải có phương án đổi mới cơ chế quản lý sản xuất, kinh doanh, nâng cao trình độ, kỹ năng quản trị doanh nghiệp, gắn trách nhiệm của người quản lý doanh nghiệp, đặc biệt là người đứng đầu với kết quả hoạt động của doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu bảo toàn, phát triển vốn nhà nước, tinh gọn bộ máy. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm hành vi vi phạm, thiếu trách nhiệm trong quản lý, quản trị doanh nghiệp.

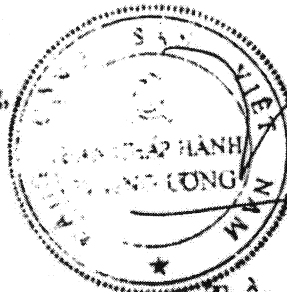
III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, chính quyền tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 30-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp và Kết luận này.
2. Đảng đoàn Quốc hội lãnh đạo việc rà soát sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan, tạo cơ sở pháp lý thống nhất, đồng bộ cho việc thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết trên phạm vi cả nước.
3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các luật, văn bản dưới luật, thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện, bảo đảm thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 30-NQ/TW và Kết luận này.
4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia và giám sát việc thực hiện Nghị quyết, Kết luận của Bộ Chính trị và tình hình sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.
5. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Kết luận này, định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh ủy, thành ủy,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương,
- Các đảng ủy đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ



Trần Quốc Vượng